

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 32/2023/HS-ST

Ngày: 06/12/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Thanh Hải

2. Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST- HS, ngày 24/11/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Thị Q n**, sinh ngày: 15/10/1975 Nơi cư trú: Phố DL, xã DL, huyện BT, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đoàn Sỹ Q (đã chết) và bà Bùi Thị D , sinh năm: 1956; Gia đình có 07 chị em bị cáo là con đầu. Có chồng là Lê Văn H , sinh năm 1971 có 04 người con. Con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bá Thước bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2023 đến ngày 10/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh và tại ngoại cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị H , sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: DQ, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Văn H , sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: DL, huyện BT, Thanh Hóa

3. Chị Nguyễn Thị H , sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: DQ_BT, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng đầu năm 2023 đến tháng 7 năm 2023, Đoàn Thị Q sinh năm cho 03 người dân trên địa bàn huyện Bá Thước vay tiền với lãi suất từ 3.000đ đến 4.000đ/01 triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi suất từ 109,5% đến 152,08%/1năm, cao gấp 5,4 lần đến 7,3 mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính 189.149.325đ (Một trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) cụ thể:

1. Ngày 20 tháng 02 năm 2023, Đoàn Thị Q cho Bùi Thị H vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) với lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 152,08%/1năm, cao gấp 7,3 mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Khi cho vay tiền Q đã thu lãi tháng đầu tiên trước (30 ngày tức là đến 20/3/2023) là 50.000.000đ nên chỉ đưa cho Hiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền lãi 30 ngày được thu theo quy định là 6.575.342 (Sáu triệu năm trăm bảy lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính là 43.424.658đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Đến ngày 20/4/2023, do H không có tiền lãi của tháng thứ 02 (20/3/2023 đến 20/4/2023) nên Q đã cộng số tiền lãi H chưa trả là 50.000.000đ vào tiền gốc rồi chốt nợ cho H 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) tiếp tục tính lãi suất 4.000đ/một triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 152,08%/1 năm cao gấp 7,3 mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Như vậy lãi từ 20/3/2023 đến 20/4/2023 số tiền lãi được thu theo quy định là 6.575.342 (Sáu triệu năm trăm bảy lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính là 43.424.658đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng) cao gấp 7,3 mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

Ngày 09/5/2023 Q đã tính lãi của 450.000.000đ tiền lãi trong 20 ngày (từ ngày 20/4/2023 đến ngày 09/5/2023) làm 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định từ ngày 20/4/2023 đến ngày 09/5/2023 chỉ được tính lãi 20 ngày của tiền gốc 400.000.000đ là 4.383.561đ (Bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi một đồng). Như vậy bị cáo Đoàn Thị Q đã thu lợi bất chính là 31.616.439đ (Ba mươi một triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba chín đồng).

Ngày 09/5/2023, H trả cho Q 146.000.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng), Q trừ cho H 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) tiền gốc và 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) tiền lãi Q chốt số tiền H còn nợ là 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng). Trong ngày H vay lại 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Như vậy ngày 09/5/2023 H thực tế trả được là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc. H chỉ còn nợ là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Ngày 27/5/2023 bị cáo Q tính lãi của 18 ngày (từ ngày 09/5/2023 đến ngày 27/5/2023) là 29.500.000đ (Hai mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Nhưng H chỉ trả được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nên còn nợ lại số tiền lãi 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định là 20%/năm của số tiền gốc còn lại 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) là 3.550.684đ (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng), số tiền bị cáo thu lợi bất chính 25.949.316đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Nhưng H chỉ trả cho bị cáo Q được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) như vậy số tiền thu lợi bất chính thực tế Q đã nhận là 6.449.316đ (Sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Cùng ngày Q cộng thêm 20.000.000đ tiền H vay từ tháng 02 năm 2023 (không tính lãi suất) rồi chốt tổng nợ cho H là 430.000.000đ tiền gốc và 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền lãi chưa trả. Đồng thời Q tính lãi suất xuống 3.000đ/01triệu/01 ngày, tương đương với lãi suất từ 109,5%/1năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự đối với số tiền 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng), còn số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thì không tính lãi.

Từ ngày 27/5/2023 Q tính lãi với mức lãi 3.000đ/01triệu/01ngày tương đương 109,5%/1 năm, cao gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự của số tiền 410.000.000đ còn 20.000.000đ không tính lãi.

Ngày 23/06/2023, Q tiếp tục yêu cầu H phải trả số tiền lãi 28 ngày (từ 27/5/2023 đến 23/6/2023) của số tiền 410.000.000đ là 34.440.000đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định chỉ được tính lãi 28 ngày của 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) là 5.523.287đ (Năm triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng). Như vậy số tiền thu lợi bất chính là 28.916.713 (Hai mươi tám triệu chín trăm mười sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng).

Nhưng chị H chỉ trả được 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), lãi theo quy định là 5.523.287đ (Năm triệu năm trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy đồng). Số tiền thu lợi bất chính bị cáo Q đã thu là 24.476.713đ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười ba đồng).

Đến ngày 28/6/2023 chị H trả cho bị cáo Q 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bị cáo Q tính lãi của 06 ngày từ (23/6/2023 đến 28/6/2023) là 7.380.000đ (Bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), bị cáo trừ cho H 68.680.000đ (Sáu mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền gốc và 7.380.000đ (Bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi và thu 23.940.000đ (Hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền lãi còn nợ của những

lần trước (ngày 27/5/2023 nợ lại 19.500.000đ lãi, ngày 23/6/2023 nợ lãi chưa trả 4.440.000) đang nợ trước đó. Theo quy định lãi của 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) trong 06 ngày (từ ngày 23/6/2023 đến ngày 28/6/2023) là 1.183.561đ (Một triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi một đồng). Như vậy số tiền thu lợi bất chính là 6.196.439đ (Sáu triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng). Hiền trả cho Q 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Bị cáo trừ cho H tiền gốc là 68.680.000đ (Sáu mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Chị Hiền chỉ nợ tiền gốc của bị cáo Q 291.320.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Tiền lãi bị cáo thực tế đã thu lời bất chính vào ngày 23/6/2023 là 100.000.000đ - 68.680.000đ - 1.183.561đ (lãi theo quy định) = 30.136.439đ (Ba mươi triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra, ngày 30/6/2023, Q cho H vay 20.000.000đ nhưng không tính lãi. Đến ngày 03/7/2023 H đã trả cho Q 7.000.000đ, hiện còn nợ 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Như vậy, trong thời gian từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/6/2023, Đoàn Thị Q cho Bùi Thị H vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) với lãi suất từ 3.000đ đến 4.000đ/01 triệu/01 ngày, thu lợi bất chính 179.528.223đ (Một trăm bảy mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn hai trăm hai mươi ba đồng). Số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu của H là 136.103.565đ (Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng), lãi của tháng tháng hai chưa thu. Ngày 12/12/2023 Quyên đã khắp phục hậu quả trả cho chị H 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Tổng số tiền lãi theo quy định bị cáo đã thu của Bùi Thị H là 27.791.777đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Ngày 09/5/2023 Đoàn Thị Q thu tiền gốc của H 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) cho Nguyễn Thị H vay vào ngày 17/5/2023 là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất 4.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 152,08%/1năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Khi vay tiền Q yêu cầu H viết giấy vay tiền, tuy nhiên trên giấy vay tiền không thể hiện lãi suất. Đến ngày 17/6/2023, H phải trả cho Q 3.600.000đ tiền lãi, nhưng H mới trả cho Q 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền lãi của 20 ngày. Hiện H còn nợ số tiền vay gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và 1.200.000đ tiền lãi (chưa chốt nợ). Số tiền lãi được thu theo quy định là 328.767đ (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính bị xử lý là 3.271.233đ. Số tiền thu lợi bất chính đã thực thu là 2.071.233đ Nguyễn Thị Hương không yêu cầu bị cáo Đoàn Thị Q trả lại.

3. Ngày 26/3/2023, Đoàn Thị Q cho Nguyễn Văn vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với lãi suất 10%/01 tháng (mười phần trăm trên một tháng) tương đương với 120%/01 năm, cao gấp 6,08 lần mức lãi suất cao nhất quy định

trong Bộ luật dân sự. Khi vay tiền Q cắt lãi trước 2.000.000đ tháng đầu tiên và được H trả thêm 500.000đ tiền lãi nên Q chỉ đưa cho H 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và vẫn viết giấy vay 20.000.000đ. Sau đó tháng thứ 2 và tháng thứ 3, Hoàng trả cho Q mỗi tháng 2.000.000đ nên tổng tiền lãi ba tháng là 6.500.000đ, số tiền lãi được thu theo quy định là 986.301đ (Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một đồng), số tiền thu lợi bất chính là 5.513.699đ (năm triệu năm trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng). Ngày 27/6/2023, Hoàng trả cho Q 10.000.000đ gốc và 1.000.000đ tiền lãi tháng 7/2023 (trả trước), số tiền lãi được thu theo quy định là 164.384đ (một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), số tiền thu lợi bất chính là 835.616đ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng) nên Q chốt nợ cho H còn 10.000.000đ, đồng thời Q n yêu cầu H viết giấy vay mới đối với khoản nợ này.

Tổng số tiền lãi H đã trả cho Q là 7.500.000đ nhưng lãi theo quy định tiền lãi chỉ có 1.150.685.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) thu lợi bất chính số tiền 6.349.315đ (Sáu triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Hoàng có đơn trình bày Đoàn Thị Q đã khắc phục hậu quả cho Hoàng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Ngày 12/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bá Thước ban hành Công văn số 147/CV-CSĐT gửi Công an các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bá Thước tiến hành rà soát tìm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trên. Đến nay Cơ quan CSĐT Công an huyện Bá Thước chưa tiếp nhận thêm trường hợp nào vay tiền với Đoàn Thị Q (bút lục 179 đến bút lục 191).

Căn cứ Điều 6, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự bao gồm tiền lãi và các khoản thu trái pháp luật khác mà người vay phải trả cho người cho vay sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong cả kỳ hạn vay.

Tại Bản kết luận giám định số: 3409/KL-KTHS ngày 26/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn đã bị xóa trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến ngày 05/7/2023 của 01 (một) điện thoại gửi giám định (bút lục 124).

Quá trình điều tra, bị can Đoàn Thị Q đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị can là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Về vật chứng vụ án: 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước có ghi: KLGD số 3409/KL-KTHS ngày 26/9/2023, mặt sau có các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hoá”, phong bì được dán kín và niêm phong bởi chữ ký đứng tên Nguyễn Đăng Đạt, Phạm Mạnh Cường. Bên trong chứa 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 11 Promax, số máy:

A2161, có IMEI: 352843111798143, số IMEI 2: 352843111932767. Kèm theo 01 (một) sim có ghi số: 8984048000380257290 đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 04 ngày 27/10/2023.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKSBT-KT ngày 25/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước đã truy tố bị cáo Đoàn Thị Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2, Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối hận, đề nghị được HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; Điều 51, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Thị Q từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Đề nghị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền với bị cáo từ 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) đến 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

-Truy thu toàn bộ số tiền gốc 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội và lãi theo quy định là 29.271.229đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng) để sung nộp vào Ngân sách Nhà nước gồm:

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của Đoàn Thị Q số tiền gốc đã thu từ Nguyễn Văn H là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đã thu từ Bùi Thị H 78.680.000đ (Bảy mươi tám triệu sáu trăm tám mươi triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà Đoàn Thị Q đã thu của 03 người vay tổng số tiền là 29.271.229đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng). Tổng số truy thu từ Đoàn Thị Q là 117.951.229đ (Một trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng).

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của Bùi Thị H số tiền gốc vay của bị cáo Q chưa trả là 291.320.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của chị Nguyễn Thị H là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của Nguyễn Văn H là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

-Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Thị Q có trách nhiệm trả số tiền thu lời bất chính đã nhận cho Bùi Thị Hiền là 130.103.565đ (Một trăm ba mươi triệu một trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

-Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước điện thoại của bị cáo là công cụ phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bá Thước; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

-Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, xét thấy cần thiết làm rõ hành vi của bị cáo sẽ được công bố lời khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại các Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Có căn cứ xác định. Từ ngày 20/02/2023 đến 28/6/2023 Đoàn Thị Q cho 03 người dân vay số tiền gốc là 420.000.000đ. Bùi Thị H vay ngày 20/02/2023 là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), Nguyễn Văn H vay ngày 26/3/2023 là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến 09/5/2023 H trả được 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc thì ngày 17/5/2023 Q sử dụng số tiền H trả để cho H vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Với lãi suất từ 3.000đ đến 4.000đ/01 triệu/01 ngày và thu lợi bất chính là 189.148.771đ (Một trăm tám mươi chín triệu một trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi mốt đồng).

Trong đó lãi theo quy định là tiền lãi theo quy định của ba người vay là 29.271.229đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi chín đồng). Cụ thể đối với Bùi Thị H từ ngày 20/02/2023 đến ngày 28/6/2023 là 27.791.777đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) và lãi theo quy định của H là 328.767đ (Ba trăm

hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) và H là 1.150.685đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng).

Thực tế đã thu lãi bất chính của Bùi Thị H 136.103.565đ, ngày 12/8/2023 bị cáo đã khắc phục hậu quả trả cho Hiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Như vậy bị cáo chỉ phải trả số tiền thu lời bất chính cho Bùi Thị H là 130.103.565đ (Một trăm ba mươi triệu một trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Thực tế đã thu lãi bất chính của Hoàng là 6.349.315đ. Số tiền thu lợi bất chính của H bị cáo đã khắc phục hậu quả Hoàng đã có đơn đề nghị không yêu cầu khoản thu lợi bất chính từ bị cáo.

Thực tế đã thu lãi bất chính của H là 2.071.233đ. Đối với H bị cáo đã khắc phục hậu quả trả cho Hương 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Vì vậy VKSND huyện Bá Thước truy tố bị cáo Đoàn Thị Q phạm “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài ra, tháng 02 năm 2023 H vay của Q 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) không tính lãi, ngày 30/6/2023 Q lại cho H vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) không tính lãi đến ngày 03/7/2023 H đã trả cho Q 7.000.000đ còn nợ 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng). Đây là số tiền Q cho H vay không tính lãi là quan hệ dân sự nên dành quyền cho Đoàn Thị Q khởi kiện Bùi Thị H bằng vụ án dân sự khác. .

[3] Hành vi của bị cáo mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi đó không những xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định hình phạt cần xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức án phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị Quyên.

Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Bá Thước, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi bị cáo là người có công với Cánh Mạng được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì (trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước), bị cáo có tặng quà cho 10 hộ nghèo trên địa bàn xã Điện Lư (có danh sách kèm theo) đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội và cho bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt.

Phạt bổ sung: Bị cáo Đoàn Thị Q bằng hình thức phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Thị Q có trách nhiệm trả khoản tiền lãi thu lời bất chính cho chị Bùi Thị H là 130.103.565đ làm tròn 130.104.000đ (Một trăm ba mươi triệu một trăm linh bốn nghìn đồng).

[7] Biện pháp tư pháp.

-Truy thu toàn bộ số tiền gốc 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội và lãi theo quy định là 29.271.229đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng) để sung nộp vào Ngân sách Nhà nước gồm:

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của Đoàn Thị Q số tiền gốc đã thu từ Nguyễn Văn H là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đã thu từ Bùi Thị H 78.680.000đ (Bảy mươi tám triệu sáu trăm tám mươi triệu đồng) là phương tiện dùng vào việc phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà Đoàn Thị Q đã thu của 03 người vay tổng số tiền là 29.271.229đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng). Tổng số truy thu từ Đoàn Thị Q là 117.951.229đ (Một trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng).

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của Bùi Thị H số tiền gốc vay của bị cáo Q chưa trả là 291.320.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của chị Nguyễn Thị H là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

+ Truy thu sung nộp Ngân sách nhà nước của Nguyễn Văn H là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

-*Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Đoàn Thị Q có trách nhiệm trả số tiền thu lời bất chính đã nhận cho Bùi Thị H là 136.103.565đ (Một trăm ba mươi sáu triệu một trăm linh ba nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng).

[8] Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước điện thoại của bị cáo là công cụ phạm tội.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điểm a khoản 1 Điều 47 và Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 2 điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và 333 của BLTTHS.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị Quyên phạm “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

3. Xử phạt: Bị cáo Đoàn Thị Q 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18(Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Thị Q cho UBND xã Diên Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình ông Lê Văn H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Diên Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Phạt bổ sung đối với bị cáo Đoàn Thị Q 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) sung nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Biện pháp tư pháp:

Truy thu toàn bộ số tiền là phương tiện phạm tội gồm 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 29.271.229đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng) lãi để sung nộp ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

+ Truy thu sung nộp Ngân sách Nhà nước của bị cáo Đoàn Thị Q là 88.680.000đ (Tám mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) sung nộp Ngân sách nhà nước và số tiền lãi theo quy định bị cáo đã thu là 29.271.229đ (Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng). Tổng là 117.951.229đ làm tròn 117.951.000đ (Một trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng).

+ Tru thu sung nộp Ngân sách Nhà nước của Bùi Thị H số tiền 291.320.000đ (Hai trăm chín mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Tru thu sung nộp Ngân sách Nhà nước của Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng đồng).

+ Tru thu sung nộp Ngân sách Nhà nước của Nguyễn Thị H là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

6.- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Thị Q có trách nhiệm trả khoản tiền lãi thu lời bất chính cho chị Bùi Thị H là 130.103.565đ làm tròn 130.104.000đ (Một trăm ba mươi triệu một trăm linh bốn nghìn đồng).

Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp phân trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong bản án hình sự được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

7. Về vật chứng: Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước điện thoại của bị cáo Đoàn Thị Q đã sử dụng làm công cụ phạm tội đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 04 ngày 27/10/2023.

- 01 (một) phong bì màu trắng, mặt trước có ghi: KLGD số 3409/KL-KTHS ngày 26/9/2023, mặt sau có các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hoá”, phong bì được dán kín và niêm phong bởi chữ ký đứng tên Nguyễn Đăng Đạt, Phạm Mạnh Cường. Bên trong chứa 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 11 Promax, số máy: A2161, có IMEI: 352843111798143, số IMEI 2: 352843111932767. Kèm theo 01 (một) sim có ghi số: 8984048000380257290.

8. Về án phí: Bị cáo Đoàn Thị Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án

sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Bá Thước;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện Bá Thước;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên